

SỐ: 1214 / CV-HLC  
“V/v: Công bố thông tin BCTC  
Bán niên năm 2017 sau soát xét”

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;  
Các cổ đông của công ty.

1. Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM-VINACOMIN
2. Mã chứng khoán: HLC
3. Trụ sở chính: Số 1, Phố Tân lập, Phường Hà lâm, Thành phố Hạ long,  
Tỉnh Quảng ninh
4. Điện thoại: 0333 825339; Fax: 0333 821203.
5. Người thực hiện công bố thông tin:  
Nhân viên công bố thông tin : **Vũ Thị Minh Thanh**
6. Nội dung công bố thông tin:
  - 6.1 Báo cáo tài chính Bán niên năm 2017 sau soát xét của Công ty cổ phần than Hà lâm -Vinacomín được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017, bao gồm:
    - (1) Bảng cân đối Kế toán.
    - (2) Báo cáo kết quả hoạt động SXKD
    - (3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
    - (4) Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
  - 6.2 Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau soát xét.
7. Địa chỉ trang Website đăng toàn bộ báo cáo tài chính:  
Website: <http://www.halamcoal.com.vn>  
Email: [halamcoal@vnn.vn](mailto:halamcoal@vnn.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Vũ Thị Minh Thanh

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

**SỐ 1215/HLC-KT**  
V/v: Giải trình chênh lệch LN sau thuế  
trước và sau soát xét

Quảng ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;  
Các cổ đông của công ty.**

Thực hiện nội dung của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2016 của bộ Tài chính và các văn bản quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, khoản chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2017 đã công bố và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2017 sau soát xét của Công ty cổ phần than Hà lâm - Vinacomin như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Theo báo cáo tài chính 6 tháng 2017(VNĐ) đã công bố</b>	<b>Theo báo cáo tài chính 6 tháng 2017(VNĐ) sau soát xét</b>	<b>Chênh lệch(VNĐ)</b>
Lợi nhuận sau thuế	23.162.564.246	22.665.642.970	496.921.276

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2017 đã công bố và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2017 sau soát xét chênh lệch 496.921.276 đồng tương đương 2,2% . Là do Công ty kiểm toán tính toán và điều chỉnh lại chi phí khấu hao tài sản trong kỳ.

Chúng tôi cam đoan những thông tin trên báo cáo tài chính là hoàn toàn chính xác và có tính minh bạch cao.

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- VP (công bố trên Website);
- Lưu: VP; KT.



**GIAM ĐỐC CÔNG TY**

**Trần Mạnh Cường**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào  
ngày 30/06/2017





**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	5 - 6
<b>3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 46





**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin (Trước đây là Công ty Cổ phần Than Hà Lâm-TKV) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Than Hà Lâm) theo Quyết định số 3672/QĐ-BCN ngày 18/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty là đơn vị thành viên (công ty con) của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2203001252 ngày 01 tháng 02 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, thay đổi về tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 5700101637 thay đổi lần thứ nhất ngày 28/10/2010, thay đổi lần thứ bảy ngày 25/11/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ bảy ngày 25/11/2015, vốn điều lệ của Công ty là 254.151.990.000 VND được chia thành 25.415.199 cổ phần.

**2. Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm các vị trí như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Trung Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Trần Mạnh Cường	Ủy viên
- Ông Trương Ngọc Linh	Ủy viên
- Ông Vũ Ngọc Thắng	Ủy viên
- Ông Đinh Trung Kiên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm các vị trí như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Mạnh Cường	Giám đốc
- Ông Phạm Khắc Thử	Phó Giám đốc
- Ông Trương Ngọc Linh	Phó Giám đốc
- Ông Cao Việt Phương	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Giám đốc
- Ông Vũ Ngọc Thắng	Phó Giám đốc
- Ông Đinh Trung Kiên	Phó Giám đốc (kể từ ngày 02/07/2017) (*)

(\*) Theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐQT ngày 29/07/2017 của của Hội đồng quản trị

14062  
CÔNG  
NHIỆM  
PKI  
T N  
LIÊN



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Bùi Hữu Đăng	Trưởng ban	
- Ông Mai Duy Ngọc	Thành viên	(Đến ngày 25/4/2017) (**)
- Ông Trịnh Xuân Khoa	Thành viên	
- Ông Dương Minh Hòa	Thành viên	(Từ ngày 25/4/2017) (**)

(\*\*) Theo Nghị quyết đạo hội đồng thường niên năm 2017, số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2017.

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC**



**Trần Mạnh Cường**





Số: 12 /2017/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin được lập ngày 10/08/2017, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 46 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

03134  
CÔ  
TRÁCH NH  
P  
VIỆ  
ANH XU

## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Nguyễn Hồng Quang**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0576-2015-242-1

0640  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
PKF  
VIỆT NAM  
HÀ LÂM - T



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>582.120.710.947</b>	<b>304.501.145.361</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.143.766.282</b>	<b>1.269.600.043</b>
Tiền	111		4.143.766.282	1.269.600.043
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>268.860.090.117</b>	<b>149.982.906.370</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	253.375.156.715	145.509.360.764
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.621.380.021	2.999.503.538
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	863.553.381	1.474.042.068
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>297.632.466.186</b>	<b>92.969.738.954</b>
Hàng tồn kho	141		297.632.466.186	92.969.738.954
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.484.388.362</b>	<b>60.278.899.994</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	10.373.949.384	15.473.453.382
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	44.805.446.612
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	1.110.438.978	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.725.085.834.429</b>	<b>3.877.275.365.159</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>31.057.806.651</b>	<b>25.295.448.793</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212		7.561.492.730	7.784.049.680
Phải thu dài hạn khác	216	5.3	23.496.313.921	17.511.399.113
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.693.742.569.275</b>	<b>2.927.728.348.297</b>
TSCĐ hữu hình	221	5.6	2.693.653.745.257	2.927.634.222.270
- Nguyên giá	222		4.547.446.246.979	4.504.043.990.298
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	223		(1.853.792.501.722)	(1.576.409.768.028)
TSCĐ vô hình	227	5.7	88.824.018	94.126.027
- Nguyên giá	228		861.752.923	861.052.447
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	229		(772.928.905)	(766.926.420)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.5</b>	<b>780.818.434.829</b>	<b>745.766.037.870</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		780.818.434.829	745.766.037.870
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>219.467.023.674</b>	<b>178.485.530.199</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	219.467.023.674	178.485.530.199
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.307.206.545.376</b>	<b>4.181.776.510.520</b>





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.018.131.062.828</b>	<b>3.881.249.566.090</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>962.998.498.367</b>	<b>597.614.075.886</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	380.304.752.640	231.855.759.856
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	61.342.541.962	13.296.999.370
Phải trả người lao động	314		62.160.402.990	79.224.690.957
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	9.360.025.627	290.181.820
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	6.952.207.666	6.368.483.083
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	233.254.921.762	257.230.205.359
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	197.256.971.054	8.123.620.380
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.366.674.666	1.224.135.061
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.055.132.564.461</b>	<b>3.283.635.490.204</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.10	-	309.604.632.305
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	3.055.132.564.461	2.974.030.857.899
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>289.075.482.548</b>	<b>300.526.944.430</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>289.075.482.548</b>	<b>300.526.944.430</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		254.151.990.000	254.151.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.151.990.000	254.151.990.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.257.849.578	4.171.570.099
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.665.642.970	42.203.384.331
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(1.096.703.304)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.665.642.970	43.300.087.635
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.307.206.545.376</b>	<b>4.181.776.510.520</b>

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐOÀN THỊ HOA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ MINH THANH



GIÁM ĐỐC

TRẦN MẠNH CƯỜNG



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.438.048.043.923	1.275.202.900.149
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV</b>	<b>10</b>		<b>1.438.048.043.923</b>	<b>1.275.202.900.149</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.161.785.776.016	1.052.591.931.990
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>276.262.267.907</b>	<b>222.610.968.159</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	(6.502.903)	48.224.289
Chi phí tài chính	22	6.4	142.656.659.210	90.114.446.077
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		142.656.659.210	90.114.446.077
Chi phí bán hàng	25	6.7	26.484.815.687	20.384.147.256
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	79.422.982.714	89.218.752.361
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>27.691.307.393</b>	<b>22.941.846.754</b>
Thu nhập khác	31	6.5	899.346.576	904.665.169
Chi phí khác	32	6.6	258.600.256	398.516.354
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>640.746.320</b>	<b>506.148.815</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>28.332.053.713</b>	<b>23.447.995.569</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	5.666.410.743	4.689.599.114
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>22.665.642.970</b>	<b>18.758.396.455</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	892	738
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




ĐOÀN THỊ HOA

VŨ THỊ MINH THANH



TRẦN MẠNH CƯỜNG



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	28.332.053.713	23.447.995.569
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	277.290.736.181	209.612.840.836
Các khoản dự phòng	03	-	1.475.315.597
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.502.903	(48.224.289)
Chi phí lãi vay	06	142.656.659.210	90.114.446.077
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>448.285.952.007</b>	<b>324.602.373.790</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(74.362.560.849)	(96.999.290.612)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(204.662.727.232)	(24.089.045.800)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	275.310.072.554	(52.845.821.864)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(35.881.989.477)	(31.124.926.001)
Tiền lãi vay đã trả	14	(142.663.689.579)	(90.097.851.066)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.458.319.174)	(6.927.629.386)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	219.900.000	511.300.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.398.277.941)	(9.441.186.916)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>250.388.360.309</b>	<b>13.587.922.145</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(300.914.939.298)	(136.917.720.070)
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.378.963	48.224.289
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(300.866.560.335)</b>	<b>(136.869.495.781)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.041.066.865.883	1.032.563.073.404
Tiền trả nợ gốc vay	34	(983.940.442.918)	(903.655.238.408)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.774.056.700)	(4.398.581.664)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>53.352.366.265</b>	<b>124.509.253.332</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.269.600.043	657.908.253
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.143.766.282	1.885.587.949

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐOÀN THỊ HOA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ MINH THANH

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

GIÁM ĐỐC



TRẦN MẠNH CƯỜNG



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin (trước đây là Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Than Hà Lâm) theo Quyết định số 3672/QĐ-BCN ngày 18/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty là đơn vị thành viên (công ty con) của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2203001252 ngày 01 tháng 02 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, thay đổi về tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh chứng nhận tại các các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 5700101637 thay đổi lần thứ nhất ngày 28/10/2010, thay đổi lần thứ hai ngày 21/05/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 15/09/2011, thay đổi lần thứ tư ngày 01/07/2013, thay đổi lần thứ năm ngày 25/12/2013, thay đổi lần thứ sáu ngày 23/07/2015, thay đổi lần thứ bảy ngày 25/11/2015.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; và
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là Khai thác, chế biến và kinh doanh than; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở tại số 01 phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 30/06/2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 3.708 người, trong đó số cán bộ quản lý là 429 người.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

U-C  
TY  
HƯ  
AM  
1-1-P



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |  |
|---|--|
| - Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá         | Nhập trước xuất trước  |
| - Thành phẩm tồn kho và chi phí SXKD dở dang than | Giá trị được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- |                                    |            |
|------------------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc:          | 5 - 25 năm |
| - Máy móc thiết bị:                | 3 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 6 năm      |
| - Tài sản cố định hữu hình khác:   | 3 - 7 năm  |

**4.5.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- |             |            |
|-------------|------------|
| - Phần mềm: | 3 - 10 năm |
|-------------|------------|

**4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, phí cấp quyền khai thác khoáng sản và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**4.11 Dự phòng phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty là Phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho Nhà nước theo sản lượng khai thác đã thực hiện trong kỳ.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700100707 đăng ký thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2015, và cho đến ngày kết thúc kỳ tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	188.594.246.000	188.594.246.000	100%
Các cổ đông khác	65.557.744.000	65.557.744.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>254.151.990.000</b>	<b>254.151.990.000</b>	

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.13 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh than, giá vốn cung cấp dịch vụ và khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm giá vốn. Trong đó, giá vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh than được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

**4.15 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính.

**4.16 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- |  |       |
|--|-------|
| - Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu bán than | : 10% |
| - Xây dựng và các loại dịch vụ, vật tư hàng hóa khác         | : 10% |
| - Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với nước đóng chai     | : 5%  |

***Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):***

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

344  
ĐƠN  
NHIE  
PI  
IET  
XUAT

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	203.246.143	201.606.913
Tiền gửi ngân hàng (ii)	3.940.520.139	1.067.993.130
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.143.766.282</u></b>	<b><u>1.269.600.043</u></b>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2017 bao gồm:		<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		<u>203.246.143</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>203.246.143</u></b>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2017 bao gồm:		<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		
<i>Ngân hàng Ngoại Thương CN Quảng Ninh</i>		3.129.347.612
<i>Ngân hàng Công Thương CN Quảng Ninh</i>		667.855.708
<i>Ngân hàng Đầu tư Phát triển CN Quảng Ninh</i>		107.578.476
<i>Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội CN Quảng Ninh</i>		32.124.524
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế</i>		3.613.819
<b>Cộng</b>		<b><u>3.940.520.139</u></b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>253.375.156.715</b>	<b>145.509.360.764</b>
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	18.177.694.794	-
Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	235.147.883.653	117.882.767.544
Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin	-	23.468.161.060
Các khoản phải thu khách hàng khác	49.578.268	4.158.432.160
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>253.375.156.715</u></b>	<b><u>145.509.360.764</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.3 Phải thu khác**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>863.553.381</b>	-	<b>1.474.042.068</b>	-
Quý lao động dôi dư	-	-	344.850.000	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Phải thu khác	863.553.381	-	1.129.192.068	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>23.496.313.921</b>	-	<b>17.511.399.113</b>	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	22.851.672.169	-	17.511.399.113	-
Lãi ký quỹ bảo vệ môi trường	644.641.752	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.359.867.302</b>	-	<b>18.985.441.181</b>	-

**5.4 Hàng tồn kho**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	43.043.777.642	-	23.404.360.343	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	180.723.021.041	-	38.700.937.011	-
Thành phẩm	73.516.635.982	-	30.713.419.668	-
Hàng hoá	349.031.521	-	151.021.932	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>297.632.466.186</b>	-	<b>92.969.738.954</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.5 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	780.818.434.829	-	745.766.037.870	-
- Mua sắm	-	-	-	-
- XD CB	776.093.962.889	-	745.766.037.870	-
<i>Đầu tư Khai thác phần dưới mức -50 Mỏ than Hà Lâm</i>	769.327.502.755	-	745.766.037.870	-
<i>Các công trình khác</i>	6.766.460.134	-	-	-
- Sửa chữa	4.724.471.940	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>780.818.434.829</b>	<b>-</b>	<b>745.766.037.870</b>	<b>-</b>

344C  
CÔNG  
CH NGHIỆP  
PH  
VIỆT  
XUẤT



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, tràng thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị Văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	2.082.534.500.391	2.228.044.381.924	150.823.425.425	42.641.682.558	4.504.043.990.298
- Mua trong kỳ	-	80.267.190.151	-	2.653.500.000	82.920.690.151
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(8.908.096.302)	(30.610.337.168)	-	-	(39.518.433.470)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.073.626.404.089</b>	<b>2.277.701.234.907</b>	<b>150.823.425.425</b>	<b>45.295.182.558</b>	<b>4.547.446.246.979</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư đầu kỳ	475.962.441.617	913.558.160.960	150.823.425.425	36.065.740.026	1.576.409.768.028
- Khấu hao trong kỳ	81.583.941.093	194.502.738.985	-	1.198.053.616	277.284.733.694
- Hao mòn trong kỳ	98.000.000	-	-	-	98.000.000
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>557.644.382.710</b>	<b>1.108.060.899.945</b>	<b>150.823.425.425</b>	<b>37.263.793.642</b>	<b>1.853.792.501.722</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	1.606.572.058.774	1.314.486.220.964	-	6.575.942.532	2.927.634.222.270
Tại ngày cuối kỳ	1.515.982.021.379	1.169.640.334.962	-	8.031.388.916	2.693.653.745.257
Trong đó: - Nguyên giá tài sản thế chấp, cầm cố					2.415.194.995.685
- Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn sử dụng					876.704.743.761
- Nguyên giá tài sản chờ thanh lý					-

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.7 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phân mềm kế toán, vật tư VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	861.052.447	-	861.052.447
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	700.476	-	700.476
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>861.752.923</b>	<b>-</b>	<b>861.752.923</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu kỳ	766.926.420	-	766.926.420
- Khấu hao trong kỳ	6.002.485	-	6.002.485
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>772.928.905</b>	<b>-</b>	<b>772.928.905</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	94.126.027	-	94.126.027
Tại ngày cuối kỳ	88.824.018	-	88.824.018

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>10.373.949.384</b>	<b>15.473.453.382</b>
Chi phí sửa chữa TSCĐ	9.825.348.674	15.129.777.840
Chi phí mua bảo hiểm	491.309.047	308.258.877
Các khoản khác	57.291.663	35.416.665
<b>b. Dài hạn</b>	<b>219.467.023.674</b>	<b>178.485.530.199</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	-	1.879.350.827
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	31.910.197.991	28.824.882.308
Chi phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, TDKS của Nhà nước	61.032.893.082	61.869.283.084
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	121.222.690.345	78.508.134.825
Các khoản khác	5.301.242.256	7.403.879.155
<b>Cộng</b>	<b>229.840.973.058</b>	<b>193.958.983.581</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.9 Vay và nợ thuế tài chính**

	01/01/2017			30/06/2017		
	Giá trị (VND)	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị (VND)	Khả năng trả nợ
<b>a. Gốc vay ngắn hạn</b>	<b>207.425.228.091</b>	<b>207.425.228.091</b>	<b>811.777.717.149</b>	<b>789.095.023.478</b>	<b>230.107.921.762</b>	<b>230.107.921.762</b>
Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ninh	-	-	269.018.456.068	187.100.000.000	81.918.456.068	81.918.456.068
Ngân hàng Công thương Quảng Ninh	123.839.952.767	123.839.952.767	351.080.537.251	387.429.689.394	87.490.800.624	87.490.800.624
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	83.585.275.324	83.585.275.324	-	83.585.275.324	-	-
Ngân hàng Dầu tư và phát triển QN	-	-	191.678.723.830	130.980.058.760	60.698.665.070	60.698.665.070
<b>b. Gốc vay dài hạn</b>	<b>3.023.835.835.167</b>	<b>3.023.835.835.167</b>	<b>229.289.148.734</b>	<b>194.845.419.440</b>	<b>3.058.279.564.461</b>	<b>3.058.279.564.461</b>
<b>Vay có kỳ hạn từ 5 đến 10 năm</b>	<b>3.023.835.835.167</b>	<b>3.023.835.835.167</b>	<b>229.289.148.734</b>	<b>194.845.419.440</b>	<b>3.058.279.564.461</b>	<b>3.058.279.564.461</b>
Ngân hàng Công thương VN Quảng Ninh	1.666.080.290.981	1.666.080.290.981	111.747.741.087	112.932.511.383	1.664.895.520.685	1.664.895.520.685
Ngân hàng Ngoại thương VN Quảng Ninh	409.560.286.936	409.560.286.936	22.787.517.720	7.000.000.000	425.347.804.656	425.347.804.656
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Hà Long	413.628.665.604	413.628.665.604	94.753.889.927	12.614.908.057	495.767.647.474	495.767.647.474
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Hòn Gai	37.719.800.000	37.719.800.000	-	-	37.719.800.000	37.719.800.000
Ngân hàng Dầu tư và phát triển QN	496.846.791.646	496.846.791.646	-	62.298.000.000	434.548.791.646	434.548.791.646
<b>Cộng</b>	<b>3.231.261.063.258</b>	<b>3.231.261.063.258</b>	<b>1.041.066.865.883</b>	<b>983.940.442.918</b>	<b>3.288.387.486.223</b>	<b>3.288.387.486.223</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	01/01/2017 (VND)		30/06/2017 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>49.804.977.268</b>	<b>49.804.977.268</b>	<b>3.147.000.000</b>	<b>3.147.000.000</b>
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	19.464.375.000	19.464.375.000	3.147.000.000	3.147.000.000
Ngân hàng SHB Hạ Long	10.340.602.268	10.340.602.268	-	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN - CN Quảng Ninh	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
<b>d. Số dư tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>3.231.261.063.258</b>	<b>3.231.261.063.258</b>	<b>3.288.387.486.223</b>	<b>3.288.387.486.223</b>
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	257.230.205.359	257.230.205.359	233.254.921.762	233.254.921.762
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	2.974.030.857.899	2.974.030.857.899	3.055.132.564.461	3.055.132.564.461

134  
CÔI  
H NH  
P  
/IÊ  
XU



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.10 Phải trả người bán**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>380.304.752.640</b>	<b>380.304.752.640</b>	<b>231.855.759.856</b>	<b>231.855.759.856</b>
Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin	3.350.288.192	3.350.288.192	22.515.170.935	22.515.170.935
Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomin	50.732.654.362	50.732.654.362	25.644.171.188	25.644.171.188
Công ty CP cơ điện Asean	117.130.014.738	117.130.014.738	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	209.091.795.348	209.091.795.348	183.696.417.733	183.696.417.733
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>309.604.632.305</b>	<b>309.604.632.305</b>
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu than - Vinacomin	-	-	61.818.948.225	61.818.948.225
Công ty CP Đầu tư, khoáng sản và dịch vụ	-	-	69.402.491.451	69.402.491.451
Công ty Cổ phần cơ điện Asean	-	-	139.148.516.719	139.148.516.719
Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	39.234.675.910	39.234.675.910
<b>Cộng</b>	<b>380.304.752.640</b>	<b>380.304.752.640</b>	<b>541.460.392.161</b>	<b>541.460.392.161</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÀM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2017 (VND)
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	52.422.118.582	34.276.616.224	18.145.502.358
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.186.107.778	5.666.410.743	6.458.319.174	4.394.199.347
Thuế thu nhập cá nhân	494.289.395	713.334.366	1.207.623.761	-
Thuế tài nguyên	5.567.068.026	159.033.685.228	142.032.744.997	22.568.008.257
Thuế đất và tiền thuê đất	-	3.505.076.938	3.505.076.938	-
Các loại thuế khác	2.354.200	17.163.200	18.237.800	1.279.600
Phí bảo vệ môi trường	2.047.179.971	16.708.023.000	15.687.763.071	3.067.439.900
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	82.162.063.500	68.995.951.000	13.166.112.500
<b>Cộng</b>	<b>13.296.999.370</b>	<b>320.227.875.557</b>	<b>272.182.332.965</b>	<b>61.342.541.962</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.110.438.978	1.110.438.978
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.110.438.978</b>	<b>1.110.438.978</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.12 Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>987.012.975</b>	<b>290.181.820</b>
Các khoản trích trước khác	987.012.975	290.181.820
Chi phí vận chuyển bốc xúc T6/2017	8.373.012.652	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>9.360.025.627</u></b>	<b><u>290.181.820</u></b>

**5.13 Phải trả khác**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.952.207.666</b>	<b>6.368.483.083</b>
Kinh phí công đoàn	292.650.882	30.630.153
Cổ tức phải trả	106.111.015	297.026.250
Quỹ hỗ trợ	2.613.981.571	2.395.066.892
Tiền lĩnh chậm	2.059.140.420	1.957.784.371
Quỹ hỗ trợ tai nạn lao động	855.717.022	-
Phân xướng đời sống	287.473.129	287.368.632
Ứng trước tiền ốm	436.527.056	928.572.856
Các khoản phải trả phải nộp khác	300.606.571	472.033.929
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>6.952.207.666</u></b>	<b><u>6.368.483.083</u></b>

**5.14 Dự phòng phải trả**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>205.629.983.706</b>	<b>8.123.620.380</b>
Phí sử dụng thương hiệu Vinacomin	3.606.971.054	-
Hụt chi phí sửa chữa lớn	8.431.000.000	-
Lãi vay dài hạn hụt kế hoạch	8.243.000.000	-
Chi phí hạ tầng, mở mỏ	28.730.000.000	-
Hệ số bóc đất đá	40.199.000.000	-
Hệ số đào lò CBSX	86.662.000.000	-
Tỷ trọng khai thác hầm lò	8.422.000.000	-
Cung độ vận chuyển đất đá lộ thiên	12.963.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>205.629.983.706</u></b>	<b><u>8.123.620.380</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ SH VND	Vốn khác của CSH VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quy đầu tư phát triển VND	Quy dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>254.151.990.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.171.570.099</b>	<b>-</b>	<b>(1.096.703.304)</b>	<b>257.226.856.795,00</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	43.300.087.635	43.300.087.635
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>254.151.990.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.171.570.099</b>	<b>-</b>	<b>42.203.384.331</b>	<b>300.526.944.430</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	8.086.279.479	-	-	8.086.279.479
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	22.665.642.970	22.665.642.970
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(42.203.384.331)	(42.203.384.331)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>254.151.990.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.257.849.578</b>	<b>-</b>	<b>22.665.642.970</b>	<b>289.075.482.548</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Vốn góp của Nhà nước	188.594.246.000	188.594.246.000
Vốn góp của đối tượng khác	65.557.744.000	65.557.744.000
<b>Cộng</b>	<b><u>254.151.990.000</u></b>	<b><u>254.151.990.000</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>Đến 30/06/2017</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>Đến 30/06/2017</u> (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	254.151.990.000	254.151.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	254.151.990.000	254.151.990.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**Cổ tức**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán</b>		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận</b>	-	-

**Cổ phiếu**

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	25.415.199	25.415.199
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	25.415.199	25.415.199
Cổ phiếu phổ thông	25.415.199	25.415.199
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.415.199	25.415.199
Cổ phiếu phổ thông	25.415.199	25.415.199
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
<b>Các quỹ của doanh nghiệp</b>		
	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	12.257.849.579	4.171.570.099
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<u>12.257.849.579</u>	<u>4.171.570.099</u>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Doanh thu bán hàng	1.432.474.787.978	1.260.470.970.199
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.573.255.945	14.731.929.950
<b>Cộng</b>	<u>1.438.048.043.923</u>	<u>1.275.202.900.149</u>

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.157.272.904.783	1.053.081.156.819
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.512.871.233	13.835.274.700
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(14.324.499.529)
<b>Cộng</b>	<u>1.161.785.776.016</u>	<u>1.052.591.931.990</u>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền gửi	49.178.015	48.224.289
Điều chỉnh lãi ký quỹ	(55.680.918)	-
<b>Cộng</b>	<u>(6.502.903)</u>	<u>48.224.289</u>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**6.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền vay	142.656.659.210	90.114.446.077
<b>Cộng</b>	<b>142.656.659.210</b>	<b>90.114.446.077</b>

**6.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Tiền phạt thu được	192.564.000	179.299.571
Các khoản khác	706.782.576	725.365.598
<b>Cộng</b>	<b>899.346.576</b>	<b>904.665.169</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	63.930.000
Thuốc khám chữa bệnh thường xuyên	258.600.256	-
Các khoản khác	-	334.586.354
<b>Cộng</b>	<b>258.600.256</b>	<b>398.516.354</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>79.422.982.714</b>	<b>89.218.752.361</b>
Chi phí nhân viên	21.055.371.910	19.526.057.959
Chi phí bằng tiền khác	52.316.542.513	61.372.233.769
Các chi phí khác	6.051.068.291	8.320.460.633
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>26.484.815.687</b>	<b>20.384.147.256</b>
Chi phí nhân viên	11.621.055.664	9.592.816.302
Chi phí vật liệu, bao bì	11.129.120.745	7.226.405.155
Các khoản khác	3.734.639.278	3.564.925.799
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>105.907.798.401</b>	<b>109.602.899.617</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	281.629.836.517	266.320.647.000
Chi phí nhân công	318.526.955.026	341.036.667.569
Chi phí khấu hao TSCĐ	277.290.736.181	209.612.840.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.046.699.263	117.726.068.669
Chi phí khác bằng tiền	627.120.305.900	442.329.270.424
<b>Cộng</b>	<b>1.593.614.532.887</b>	<b>1.377.025.494.498</b>
<b>b. Các khoản ghi giảm chi phí</b>		
Hoàn nhập dự phòng	-	(14.324.499.529)
Các khoản ghi giảm khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>(14.324.499.529)</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	5.666.410.743	4.689.599.114
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.666.410.743</b>	<b>4.689.599.114</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>22.665.642.970</b>	<b>18.758.396.455</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.415.199	25.415.199
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>892</b>	<b>738</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 1.041.066.865.883 VND

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 983.940.442.918 VND

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu*

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 30/06/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>	258.748.663.015	23.496.313.921	282.244.976.936
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.143.766.282	-	4.143.766.282
Phải thu khách hàng	253.741.343.352	-	253.741.343.352
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	863.553.381	23.496.313.921	24.359.867.302
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>258.748.663.015</b>	<b>23.496.313.921</b>	<b>282.244.976.936</b>
<b>Ngày 30/06/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	233.254.921.762	3.055.132.564.461	3.288.387.486.223
Phải trả người bán	380.304.752.640	-	380.304.752.640
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	337.438.335.936	-	337.438.335.936
<b>Tổng cộng</b>	<b>950.998.010.338</b>	<b>3.055.132.564.461</b>	<b>4.006.181.393.779</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(692.249.347.323)</b>	<b>(3.031.636.250.540)</b>	<b>(3.723.885.597.863)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>	147.552.680.205	23.496.313.921	171.048.994.126
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.269.600.043	-	1.269.600.043
Phải thu khách hàng	145.509.360.764	-	145.509.360.764
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	1.474.042.068	17.511.399.113	18.985.441.181
Tài sản tài chính khác	-	-	-

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

<b>Trừ:</b>	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>148.253.002.875</b>	<b>17.511.399.113</b>	<b>165.764.401.988</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	257.230.205.359	2.974.030.857.899	3.231.261.063.258
Phải trả người bán	231.855.759.856	309.604.632.305	541.460.392.161
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	99.180.355.230	-	99.180.355.230
<b>Tổng cộng</b>	<b>588.266.320.445</b>	<b>3.283.635.490.204</b>	<b>3.871.901.810.649</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(440.013.317.570)</b>	<b>(3.266.124.091.091)</b>	<b>(3.706.137.408.661)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	253.741.343.352	145.509.360.764	253.741.343.352	145.509.360.764
<i>Các khoản phải thu khác</i>	24.359.867.302	18.985.441.181	24.359.867.302	18.985.441.181
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4.143.766.282	1.269.600.043	4.143.766.282	1.269.600.043
<b>Tổng cộng</b>	<b>282.360.265.916</b>	<b>165.764.401.988</b>	<b>282.360.265.916</b>	<b>165.764.401.988</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	3.288.387.486.223	3.231.261.063.258	3.288.387.486.223	3.231.261.063.258
Phải trả người bán	380.304.752.640	541.460.392.161	380.304.752.640	541.460.392.161
Phải trả khác	337.438.335.936	99.180.335.230	337.438.335.936	99.180.335.230
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.006.130.574.799</b>	<b>3.871.901.810.649</b>	<b>4.006.130.574.799</b>	<b>3.871.901.810.649</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực sản xuất kinh doanh than và các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Kinh doanh Than VND	Hoạt động Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>			
Doanh thu	1.260.470.970.199	14.731.929.950	1.275.202.900.149
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	1.038.756.657.290	13.835.274.700	1.052.591.931.990
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>221.714.312.909</b>	<b>896.655.250</b>	<b>222.610.968.159</b>
<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>			
Doanh thu	1.432.474.787.978	5.573.255.945	1.438.048.043.923
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	1.157.272.904.783	4.512.871.233	1.161.785.776.016
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>275.201.883.195</b>	<b>1.060.384.712</b>	<b>276.262.267.907</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**8.3 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% sở hữu
Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam	226 Lê Duẩn	Công ty mẹ	74,21%
Ông Phạm Trung Tuấn	Hạ Long, Quảng Ninh	Chủ tịch HĐQT	
Ông Trần Mạnh Cường	Hạ Long, Quảng Ninh	Giám đốc	
Ông Bùi Hữu Đăng	Hạ Long, Quảng Ninh	Kiểm soát viên của công ty mẹ	
Bà Vũ Thị Minh Thanh	Hạ Long, Quảng Ninh	Kế toán trưởng	
Ông Phạm Khắc Thử	Hạ Long, Quảng Ninh	Phó Giám đốc	
Ông Trương Ngọc Linh	Hạ Long, Quảng Ninh	Phó Giám đốc	
Ông Cao Việt Phương	Hạ Long, Quảng Ninh	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Hạ Long, Quảng Ninh	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Ngọc Thăng	Hạ Long, Quảng Ninh	Phó Giám đốc	
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Quảng Ninh	Chi nhánh của Công ty mẹ	
Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	Quảng Ninh	Chi nhánh của Công ty mẹ	
Công ty chế biến than Quảng Ninh - Vinacomin	Quảng Ninh	Chi nhánh của Công ty mẹ	
Công ty cổ phần vật tư mỏ địa chất - TKV	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP xuất nhập khẩu than - Vinacomin	Hà Nội	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Trung tâm cấp cứu mỏ - Vinacomin	Quảng Ninh	Chi nhánh của Công ty mẹ	
Công ty tư vấn ban quản lý dự án - Vinacomin	Hưng Yên	Chi nhánh của Công ty mẹ	
Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Thái Nguyên	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Hà Nội	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Hà Nội	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Tổng công ty công nghiệp hóa chất mỏ Vinacomin	Hà Nội	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty than Hòn Gai - TKV	Quảng Ninh	Chi nhánh của Công ty	



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Tên gọi	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% sở hữu
		mẹ	
Công ty CP cơ khí mỏ và đóng tàu - TKV	Quảng Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ	
Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Hà Nội	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP công nghiệp ô tô - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP vật tư - TKV	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Trường cao đẳng than khoáng sản Việt Nam - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP du lịch và thương mại - Vinacomin	Hà Nội	Công ty liên kết của Công ty mẹ	
Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomin	Hà Nội	Công ty liên kết của Công ty mẹ	
Công ty CP tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	Hà Nội	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin	Hà Nội	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty cổ phần Giám định - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP than Hà Tu - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty xây dựng mỏ Hàm Lò II - TKV	Quảng Ninh	Chi nhánh của Công ty mẹ	
Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP cơ điện Uông Bí - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	
Công ty CP cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	Quảng Ninh	Công ty có cùng Công ty mẹ	

Nghiệp vụ với các bên liên quan: Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục 01: Bảng kê than bán nội bộ Tập đoàn.
- Phụ lục 03: Báo cáo chi tiết TSCĐ mua trực tiếp từ các đơn vị nội bộ Tập đoàn để hình thành tài sản.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 01 Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)</b>
Thù lao, lương và thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	324.719.893
Thù lao, lương và thưởng của Ban Giám đốc	2.247.630.106
<b>Cộng</b>	<b>2.572.349.999</b>

Số dư với các bên liên quan: Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện tại Phụ lục 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

**8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

ĐOÀN THỊ HOA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ MINH THANH

GIÁM ĐỐC



TRẦN MẠNH CƯỜNG



**BẢNG KÊ THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
**6 tháng đầu năm 2017**

Đơn vị: VND

STT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Doanh thu		
			Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)
A	B	C	1	2	3
	<b>Doanh thu bán than</b>				<b>1.432.474.787.978</b>
1	Công ty tuyển than Hòn Gai - Vinacomin		1.083.224	1.232.641	1.335.226.081.256
2	Công ty kho vận Hòn Gai - Vinacomin		66.936	1.205.983	80.723.529.637
3	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin		7.579	2.180.261	16.525.177.085
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.432.474.787.978</b>

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



ĐOÀN THỊ HOA

VŨ THỊ MINH THANH

TRẦN MẠNH CƯỜNG



**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ	
		131	331
A	B	1	2
<b>A</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>		
<b>I</b>	<b>Nợ phải thu</b>	<b>253.356.056.203</b>	<b>4.761.735.549</b>
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	26.957.778	-
2	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	18.177.694.794	-
3	Công ty tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	235.147.883.653	-
4	Công ty chế biến than Quảng Ninh - Vinacomin	3.519.978	-
5	Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Quảng Ninh	-	3.566.558.049
6	Công ty CP xuất nhập khẩu than - Vinacomin - CN Quảng Ninh	-	1.195.177.500
<b>II</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>150.730.761.371</b>
1	Công ty cổ phân Địa chất Mỏ - TKV	-	5.169.402.812
2	Trung tâm cấp cứu mỏ - Vinacomin	-	1.066.996.029
3	Công ty tư vấn ban quản lý dự án - Vinacomin	-	43.024.167
4	Công ty cổ phân Hạ Long	-	98.971.180
5	Công ty cổ phân cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	1.853.828.159
6	Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	503.369.196
7	Công ty CP cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	-	2.464.543.686
8	Công ty vật tư hóa chất mỏ Hà Nội	-	144.837.000
9	Khách sạn Hạ Long - CN Tổng công ty công nghiệp hóa chất mỏ Vinacomin	-	62.640.000
10	Công ty cổ phân chế tạo máy - Vinacomin	-	1.374.210.997
11	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	-	1.801.331.844
12	Công ty than Hòn Gai - TKV	-	974.099.546
13	Trung tâm an toàn mỏ - Vinacomin	-	820.338.675
14	Công ty CP cơ khí mỏ và đóng tàu - TKV	-	16.403.228.993
15	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	1.645.173.626
16	Công ty CP công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	3.621.542.188
17	Công ty CP vật tư - TKV	-	4.252.707.604
18	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai - CN công ty CP vật tư TKV	-	7.066.696.859
19	Công ty cổ phân vật tư - TKV - CN Hà Nội	-	446.450.000
20	CN Công ty cổ phân vật tư TKV - Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	-	808.543.500
21	Trường cao đẳng than khoáng sản Việt Nam - Vinacomin	-	1.166.852.808
22	Công ty CP du lịch và thương mại - Vinacomin - CN Vân Lông	-	438.900.000
23	Công ty CP xuất nhập khẩu than - Vinacomin	-	16.629.136.154
24	Nội	-	853.775.961
25	Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomin	-	50.732.654.362
26	Công ty CP đầu tư, khoáng sản và dịch vụ (Cty CP đầu tư KS và dịch vụ ITASCO cũ)	-	19.368.624.119
27	Công ty CP tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	-	120.564.484

3440  
 ÔNG  
 NHIỆM  
 PK  
 Ệ T M  
 UÂN



TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ	
		131	331
A	B	1	2
28	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin	-	1.092.736.114
29	CN Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - XN dịch vụ tổng hợp và xây dựng	-	1.668.474.500
30	Công ty cổ phần Giám định - Vinacomin	-	317.843.399
31	Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin	-	215.306.824
32	Công ty CP than Hà Tu - Vinacomin	-	679.257.454
33	Công ty xây dựng mỏ Hàm Lò II - TKV	-	418.987.139
34	Công ty cô phân cơ khí Mạo Khê - Vinacomin	-	3.350.288.192
35	Công ty CP cơ điện Uông Bí - Vinacomin	-	1.782.140.800
36	Công ty CP cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	-	1.273.283.000
<b>B</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>	-	-
<b>I</b>	<b>Nợ phải thu</b>	-	-
<b>II</b>	<b>Nợ phải trả</b>	-	-
	<b>Cộng</b>	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐOÀN THỊ HOA

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ MINH THANH

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

GIÁM ĐỐC



TRẦN MẠNH CƯỜNG

340-  
TY  
HỮU  
Đ  
AM  
-T



**BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ**

Lũy kế đến 30/06/2017

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	SL	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao	Lgian đã sd	Sử dụng TS cho mục đích (SXKD, QL, bán hàng)	Hóa đơn		
<b>A</b>	<b>TSCĐ, HÀNG TỒN KHO, CÔNG TRÌNH XDGB MUA CỦA ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐÃ TĂNG TÀI SẢN ĐỀ TRÍCH KHẤU HAO TÍNH ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO</b>		<b>69.641.693.926</b>	<b>4.997.209.095</b>	<b>275.058.996</b>	<b>4.722.150.099</b>						
	<b>TỔNG CỘNG</b>											
<b>1</b>	<b>Công ty CP đầu tư, thương mại và dịch vụ - Vinacomin</b>		<b>48.504.175.926</b>	-	-	-						
	<b>Máy móc thiết bị</b>		<b>48.504.175.926</b>	-	-	-						
	- Cung cấp thiết bị hệ thống thoát nước trong lò mức -300 (Giai đoạn 2); HD số 59 ngày 23/1/2017	1	48.511.320.000	-	-	-				0242835		
	- Cung cấp thiết bị hệ thống thoát nước trong lò mức -300 (Giai đoạn 2); HD số 59 ngày 23/1/2017		(7.144.074)	-	-	-				0242836		
<b>2</b>	<b>Công ty CP đầu tư, khoáng sản và dịch vụ - Vinacomin</b>		<b>2.347.500.000</b>	<b>2.343.709.095</b>	<b>134.035.399</b>	<b>2.209.673.696</b>						
	<b>Máy móc thiết bị</b>		<b>2.347.500.000</b>	<b>2.343.709.095</b>	<b>134.035.399</b>	<b>2.209.673.696</b>						
	- Trạm biến áp kho đi động dùng trong hầm lò, mã hiệu KBSSGZY-1000/6R; HD số 06 ngày 16/1/2017	1	808.200.000	807.138.637	46.762.794	760.375.843	05/04/2017		6,76	SXKD	0000056	05/04/2017
	- Trạm biến áp kho đi động dùng trong hầm lò, mã hiệu KBSSGZY-1250/6R; HD số 06 ngày 16/1/2017	1	907.300.000	906.238.638	52.504.302	853.734.336	05/04/2017		6,76	SXKD	0000056	05/04/2017
	- Máy ngắt cao thế tự động phòng nổ Uđ=6 KV; F=50Hz; Idm=400A; HD số 05 ngày 16/1/2017	5	632.000.000	630.331.820	34.768.303	595.563.517	12/04/2017		6,78	SXKD	0000058	12/04/2017
<b>3</b>	<b>Công ty CP xuất nhập khẩu than - Vinacomin</b>		<b>18.790.018.000</b>	<b>2.653.500.000</b>	<b>141.023.597</b>	<b>2.512.476.403</b>						
	<b>Máy móc thiết bị</b>		<b>18.790.018.000</b>	<b>2.653.500.000</b>	<b>141.023.597</b>	<b>2.512.476.403</b>						
	- Cáp thép đường kính 38 mm; mã hiệu 6xx375+FC; HD số 1003 ngày 9/12/2016	1	2.653.200.000	2.653.500.000	141.023.597	2.512.476.403	16/02/2017		6,63	SXKD	0103484	19/01/2017
	- Cung cấp hệ thống cung cấp nước trong lò (Giai đoạn 2); HD số 1016 ngày 12/12/2016	1	16.136.818.000	-	-	-					0103440	04/04/2017
<b>B</b>	<b>TSCĐ, HÀNG TỒN KHO, CÔNG TRÌNH XDGB MUA CỦA ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN NHƯNG CHƯA TĂNG TÀI SẢN ĐỀ TRÍCH KHẤU HAO TÍNH ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO</b>											



STT	Nội dung	SL	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao	t.gian đã sử dụng TS cho mục đích QL, bán (SXXD, QL, bán hàng)	Hóa đơn
	<b>TỔNG CỘNG</b>		1.218.425.996	-	-	-			
1	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin		1.218.425.996	-	-	-			
	Tài sản cố định khác		1.218.425.996						
	- Giám sát thi công lắp đặt thiết bị lò chø CGH đồng bộ lò chø 7-2 vỉa 7; HD số 707 ngày 9/9/2016		1.218.425.996	-	-	-			0105818 18/05/2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Trần Ninh Hải*

TRẦN NINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Vũ Thị Minh Thanh*

VŨ THỊ MINH THANH



Quảng Bình, ngày 10 tháng 08 năm 2017

TRẦN MẠNH CƯỜNG